

KHÁI QUÁT MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CỘNG HÒA PHÁP

1. Một số tư tưởng, nguyên tắc chung về giáo dục

1.1. Các nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục

Hiến pháp Cộng hòa Pháp khẳng định: "nghĩa vụ của Nhà nước là tổ chức giáo dục công bắt buộc miễn phí và thế tục (phi tôn giáo) ở mọi bậc học". Luật Giáo dục khẳng định giáo dục là ưu tiên hàng đầu của Nhà nước và quy định một số nguyên tắc cơ bản của giáo dục:

- Miễn phí: Giáo dục ở các trường công, ở tất cả các bậc học là miễn phí. Cho tới bậc sơ trung, dụng cụ học tập và sách giáo khoa được cung cấp miễn phí. Với bậc cao trung, về lí thuyết gia đình phải tự chi trả sách giáo khoa nhưng trên thực tế, thường chính quyền vùng sẽ cung cấp.

- Thế tục (phi tôn giáo): Theo nghĩa tôn trọng các tôn giáo, tín ngưỡng; giáo dục tách rời tôn giáo, các Chương trình giáo dục, nội dung giáo dục, các hoạt động tại nhà trường không được tuyên truyền, cổ vũ hay bài trừ bất kì tôn giáo nào.

- Giáo dục bắt buộc: Luật 28/3/1882 (luật Ferry) quy định giáo dục bắt buộc với trẻ em từ 6 tuổi đến 13 tuổi, đến 1959 (luật Berthoin) kéo dài đến 16 tuổi.

- Trung lập về triết học, về chính trị đối với Chương trình giáo dục, các nội dung giáo dục, các hoạt động giáo dục.

- Tự do: Cho phép các trường tư hoạt động. Đa số trường tư có hợp đồng với nhà nước, nghĩa là được nhận trợ cấp của Nhà nước đồng thời phải chịu sự kiểm soát, phải tuân thủ Chương trình giáo dục chung. Nhà nước độc quyền trong thi cử, cấp bằng.

Điều L211-1 Luật Giáo dục xác định: Giáo dục là một dịch vụ công quốc gia, Nhà nước đảm bảo tổ chức và hoạt động của giáo dục (ngoại trừ một số quyền được phân cấp cho các vùng quy định trong luật). Theo đó, Nhà nước đảm nhận nhiệm vụ:

- Xác định các luồng đào tạo, quyết định các Chương trình quốc gia, tổ chức và nội dung giảng dạy;

- Xác định và cấp bằng cấp quốc gia và các bậc, các học vị đại học;

- Tuyển dụng và quản lí nhân sự thuộc trách nhiệm nhà nước;

- Phân bổ các phương tiện dành cho giáo dục, nhất là để đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng đối với dịch vụ công;

- Kiểm soát và đánh giá các chính sách giáo dục nhằm đảm bảo tính nhất quán của hệ thống giáo dục.

Ngay với giáo dục đại học, Luật cũng khẳng định (điều L 111-5): "Nhà nước là người bảo đảm cho sự công bằng đối với dịch vụ giáo dục công bậc Đại học trên toàn lãnh thổ".

Giáo dục là ưu tiên hàng đầu về chính sách phát triển, cũng là công cụ cơ bản của việc đảm bảo sự công bằng và bình đẳng xã hội, của chính sách xã hội của Nhà nước phúc lợi - đặc điểm cơ bản của mô hình nhà nước Pháp. Mô hình quản lý tập trung, thống nhất nền giáo dục là chọn thể chế, thể hiện vai trò của Nhà nước phúc lợi, nhằm đảm bảo sự đồng nhất, sự công bằng và bình đẳng.

1.2. Dân chủ, bình đẳng - tăng cường trợ giúp cá nhân hoá

Theo chúng tôi, một trong những tư tưởng lớn ảnh hưởng đến giáo dục Pháp, đặc biệt là trong nửa cuối thế kỉ XX và cả thế kỉ XXI này, là tư tưởng dân chủ và bình đẳng, theo đó giáo dục là con đường, là phương tiện mà xã hội sử dụng để đem tới sự bình đẳng về cơ hội thăng tiến xã hội cho tất cả trẻ em, bất kể xuất thân, điều kiện kinh tế và Nhà nước phải tạo điều kiện, đảm bảo sự bình đẳng đó. Đến những năm 1960, dân chủ hoá đã trở thành chính sách giáo dục chính thức của Nhà nước (theo Roche 1998). Việc luật hoá vai trò của Nhà nước và dịch vụ giáo dục công cũng như các cải cách mấy chục năm gần đây khẳng định điều này. Điều đầu tiên của Luật Giáo dục sửa đổi 2013 khẳng định dịch vụ giáo dục công "đóng góp vào việc đảm bảo công bằng về cơ hội và chống lại những sự bất bình đẳng về xã hội và vị trí địa lí", coi rằng "mọi trẻ em đều có khả năng học tập và tiến bộ", "chú trọng việc hội nhập học đường của mọi trẻ em, không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào", "chú ý đảm bảo sự hoà trộn các trẻ em thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau "trong cùng một nhà trường". Ngoài ra, Luật Giáo dục nêu rõ: để đảm bảo sự công bằng về cơ hội, "học sinh và sinh viên được nhận trợ cấp tuỳ thuộc điều kiện thu nhập và sự xứng đáng (tức là kết quả học)" và "sự phân chia các nguồn lực của giáo dục công phải tính đến những tình trạng khác biệt, đặc biệt là về kinh tế - xã hội".

Rất nhiều cuộc tranh luận, tham vấn xã hội liên quan tới việc đảm bảo bình đẳng dẫn đến hàng loạt cố gắng cải cách, đổi mới liên tục từ những năm 80 cho

đến nay. Có thể thấy rõ điều này khi điếm qua các tên báo cáo nổi tiếng hay slogan, tư tưởng của một số đợt cải cách:

- Cải cách với Luật Haby 1975: Hình thành collège unique - bậc sơ trung thống nhất;

- Cải cách 1982 với báo cáo "Vì một trường sơ trung dân chủ" của cựu viện trưởng Viện nghiên cứu sư phạm quốc gia với nhiều biện pháp nhằm mềm hoá trường sơ trung: mềm hoá hình thức tổ chức lớp sao cho có hoạt động theo lớp trình độ không đồng nhất và lớp theo trình độ ở 2 lớp đầu sơ trung, mềm hoá Chương trình quốc gia, thiết lập chế độ trợ giúp cho học sinh...;

- Cải cách 1993 - 1997 của Bộ trưởng Giáo dục François Bayrou (ứng cử viên tổng thống đảng trung hữu nhiều kì bầu cử gần đây) dựa trên báo cáo "Một hợp đồng mới đối với Nhà trường" với 158 đề xuất trong đó có: chia giai đoạn ở cấp sơ trung, tạo lộ trình phân hoá vĩ mô ở trung học cơ sở. Slogan: Trường sơ trung duy nhất nhưng không "đồng phục";

- Cải cách 1999 của Bộ trưởng Giáo dục Ségolène Royal dựa trên báo cáo "Le Collège de l'An 2000" của nhà xã hội học Dubet: tăng cường liên kết tiểu học - trung học cơ sở, tích hợp;

- Cải cách 2001 của Bộ trưởng Jack Lang dựa trên báo cáo tổng kết tham vấn Joutard: "Vì một trường sơ trung cho tất cả và cho mỗi học sinh";

- Báo cáo Thelot 2004 tổng kết đợt tham vấn xã hội lớn "Vì sự thành công của tất cả học sinh", dẫn đến Luật Giáo dục 2005 (Luật Fillon), sự ra đời của ISOCOM 2006 và các cải cách liên tục sau đó (thay đổi Chương trình giáo dục cấp Tiểu học, trung học cơ sở 2008; cải cách bậc cao trung từ 2010).

- Báo cáo tổng kết tham vấn xã hội và Luật về Tái lập nhà trường của nền cộng hoà 2013 với slogan "Vì sự thành công của tất cả", "nhà trường bình đẳng với tất cả và yêu cầu cao với mỗi người".

O. Rey (2010) nhận định: "Cuộc tranh luận về nội dung và các môn học ở Pháp có phần gắn liền với những lí tưởng bình đẳng về cơ hội và dân chủ hoá giảng dạy trong trường học thống nhất từ tiểu học đến sơ trung".

Những tư tưởng dân chủ và bình đẳng về giáo dục, coi trọng tính độc quyền nhà nước đối với giáo dục thực ra đã xuất hiện ngay từ cách mạng Pháp thế kỉ XVIII, được khẳng định lại ở đầu thế kỉ XX. Tư tưởng về một trường học thống nhất của nền cộng hoà, với việc kéo dài giáo dục bắt buộc, miễn phí và vai trò của Nhà nước trong giáo dục phổ thông đã được tuyên bố rõ ràng trong tác phẩm của

một Bộ trưởng Giáo dục ngay đầu thế kỉ XX. Chính tư tưởng về nhà trường thống nhất đó đã dẫn đến việc đổi tên bộ chuyên trách về giáo dục từ Bộ Giáo dưỡn (dạy học) thành Bộ Giáo dục quốc gia năm 1932 (Café pedagogique 11/06/2012).

Các cải cách gần đây đều nhấn mạnh đến các biện pháp tăng cường sự trợ giúp tới từng cá nhân học sinh. Pháp lệnh ban hành SOCCOM nêu rõ: "Tính đến các nhịp độ tiếp thu khác nhau, các trường tiểu học và sơ trung sẽ tổ chức việc kèm cặp phù hợp: tự học có giám sát, đỡ đầu, tiếp cận sách báo, văn hoá và internet... Tổ chức các chương trình cá nhân hoá để giúp những học sinh có vấn đề trong việc lĩnh hội SOCCOM ở từng giai đoạn".

2. Những tư tưởng phát triển chương trình giáo dục thể hiện trong một số văn bản quan trọng gần đây

2.1. Những nguyên tắc của giảng dạy trong tương lai - Đề xuất năm 1985 của College de France

Tháng 1/1984, Tổng thống Pháp Francois Mitterand yêu cầu College de France, một cơ quan khoa học và giảng dạy uy tín hàng đầu của nước Pháp suy nghĩ và đề xuất các nguyên tắc cơ sở của giảng dạy trong tương lai, sao cho tích hợp được văn hoá văn chương, nghệ thuật và các kiến thức và phương pháp khoa học mới nhất, tính đến các thay đổi công nghệ và xã hội, nhằm tạo điều kiện cho sự hiểu biết các văn hoá và "trước hết là cung cấp cho lớp trẻ Pháp các công cụ hiện đại của tư duy, của biểu đạt và hành động".

Một năm sau, các nhà trí thức của College de France đã đệ trình bản Đề xuất các nguyên tắc định hướng cho giảng dạy trong tương lai. Nhận định rằng các mục tiêu được thừa nhận rộng rãi như "đào tạo những tư tưởng mở, trang bị các nguồn lực và kiến thức cần thiết để tiếp thu không ngừng cái mới và thích ứng với những tình huống liên tục thay đổi" là đúng đắn nhưng chưa đủ để xác lập các nguyên tắc, họ nhấn mạnh việc chú ý đến sự thay đổi không ngừng của khoa học, sự biến đổi của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là của thị trường lao động do tiến bộ công nghệ và sự tái cấu trúc nền sản xuất và dịch vụ, nhất là sự phát triển của công nghệ truyền thông hiện đại và những sự biến đổi sâu sắc về vai trò của các lực lượng giáo dục, sự biến đổi của bản thân hệ thống giáo dục với sự thay đổi sâu sắc các quan hệ xã hội trong nhà trường dưới các tác động xã hội. "Khủng hoảng giáo dục" là hệ quả tất yếu của những biến đổi đó và do việc chưa xem xét lại vị trí và vai trò của nhà trường trong bối cảnh mới sao cho nền giáo dục dân

chủ nhất và đáp ứng tốt nhất đòi hỏi của hiện tại và đáp ứng được thách thức của tương lai.

Từ góc độ của giới nghiên cứu và giảng dạy về nghiên cứu, nghĩa là đứng ngoài hệ thống giáo dục phổ thông, theo họ vừa là hạn chế nhưng cũng là ưu điểm, cho phép một góc nhìn rộng rãi và ít bị bó buộc, họ đề xuất một số nguyên tắc định hướng sau:

Thứ nhất, về tính thống nhất của khoa học và tính đa dạng các văn hoá. Một nền giáo dục hài hoà cần kết nối được chủ nghĩa phổ quát của tư duy khoa học và chủ nghĩa tương đối các khoa học nhân văn đem lại, chú ý đến tính đa dạng của các lối sống và những nhạy cảm văn hoá.

Giáo dục như thế phải cung cấp khả năng cho học sinh chống lại những quan niệm phi lí tính hoặc cực đoan, cần cung cấp những công cụ để chống lại "mọi dạng thao túng về tư tưởng, chính trị, tôn giáo..." cả đối với khoa học và với các nền văn hoá khác nhau, các tôn giáo khác nhau...

Thứ hai, về đa dạng các dạng thức "chất lượng cao". Giáo dục cần làm hết sức để chống lại tư tưởng độc tôn một loại trí thông minh, đánh giá xếp hạng theo góc nhìn độc tôn đó và đa dạng hoá các dạng thức "chất lượng cao" được xã hội thừa nhận.

Thứ ba, tạo ra nhiều cơ hội thành công. Điều quan trọng là cần làm giảm thiểu nhiều nhất có thể các hệ quả của "bản án học đường", ngăn chặn việc thành công học đường được tôn vinh và thất bại trong học tập trở thành bản án suốt đời thông qua việc tạo ra nhiều ngành đào tạo cũng như tăng tính liên thông giữa chúng, làm giảm thiểu các đứt đoạn không đảo ngược được.

Thứ tư, về tính thống nhất trong và thông qua sự đa dạng. Giáo dục cần phải vượt qua sự đối lập đơn thuần giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa nhà nước bằng cách tạo điều kiện cho sự cố gắng thật sự của các thiết chế, các cơ sở giáo dục độc lập đa dạng nhưng đồng thời bảo vệ các cá nhân và các thiết chế bất lợi nhất, có thể bị bỏ rơi trong cạnh tranh.

Thứ năm, xem xét lại theo chu kì nội dung dạy học. Nội dung giáo dục cần được xem xét lại theo chu kì nhằm hiện đại hoá bằng cách loại bỏ những nội dung phụ hay lỗi thời và đưa vào nhanh nhất có thể các nội dung mới nhưng tránh chủ nghĩa "hiện đại bằng mọi giá".

Thứ sáu, thống nhất các kiến thức truyền thụ. Mọi cơ sở giáo dục cần đưa ra một tổng thể kiến thức thiết yếu ở từng trình độ, nguyên lí thống nhất có thể sử dụng là tính thống nhất về lịch sử.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của quá trình chuyên ngành hoá hẹp, dẫn tới việc các cá nhân thu nhận kiến thức rời rạc thiếu tổng thể, cần chống lại sự phân cách kiến thức gắn với việc chia nhỏ thành các môn đặt cạnh nhau, như thế cần tạo ra và phổ biến một văn hoá chung bao hàm cả văn hoá khoa học và văn hoá lịch sử; tương tự vậy cũng cần chống lại sự phân cách trong bản thân từng lĩnh vực và cần phải, ví dụ như cần có một tiến trình đồng bộ giữa các môn khoa học. Một trong các nguyên tắc mang tính thống nhất hoá của văn hoá và của giáo dục có thể là lịch sử xã hội của các công trình văn hoá (khoa học, nghệ thuật, triết học, luật...).

Thứ bảy, giáo dục liên tục suốt đời và "xen kẽ". Giáo dục cần phải được tiếp tục suốt đời, cần phải làm mọi cách để giảm thiểu đứt đoạn giữa cuối quá trình học và bước vào đời.

Thứ tám, sử dụng các công cụ truyền bá hiện đại. Hoạt động kích lệ, định hướng và trợ giúp của Nhà nước cần được thực hiện thông qua việc sử dụng một cách mạnh mẽ và có phương pháp các kĩ thuật hiện đại của truyền thông, trước hết là truyền hình và truyền dữ liệu, cho phép đem tới cho tất cả một sự giảng dạy mẫu mực.

Thứ chín, tính mở trong và thông qua sự tự chủ. Các cơ sở đào tạo cần phối hợp với các nhân sự bên ngoài trong việc ra quyết định và trong các hoạt động, phối hợp hoạt động với các thiết chế phổ biến văn hoá khác và phải trở thành tiêu điểm của một đời sống cộng đồng văn hoá mới, một nơi chốn ở đó sự luyện tập thực sự của giáo dục công dân. Đồng thời, cần tăng cường tính tự chủ của tập thể giáo viên thông qua việc tăng cường năng lực giáo viên và nâng cao vị thế nghề nghiệp.

Bản đề xuất nêu lên những vấn đề về nhận thức, về thực hiện đổi mới giáo dục, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đội ngũ nhà giáo: điều kiện làm việc, đào tạo.

2.2. Báo cáo Thelot và Luật Định hướng 2005

Năm 2003 - 2004, một cuộc tham vấn ý kiến xã hội lớn về giáo dục nhằm xác định hình hài của nhà trường tương lai. Tổng thống Pháp thành lập một Ban công tác độc lập (Ban THELOT), chịu trách nhiệm tổ chức, tổng kết và đề xuất cho việc định hướng cải cách giáo dục.

Những định hướng của nhóm này là: Đảm bảo sự thành công của tất cả học sinh, định hình giáo dục trong bối cảnh châu Âu liên minh và xã hội của tri thức, thích ứng với các đòi hỏi trong tương lai của xã hội và của nền kinh tế quan điểm học tập suốt đời. Nhiệm vụ của giáo dục được xác định: giáo dục, đào tạo, giúp hội nhập và giúp thăng tiến. Nhà trường phải đảm bảo hiệu quả hoạt động sư phạm, dạy cách sống chung trong xã hội dân chủ và cộng hoà, thích ứng với sự đa dạng của học sinh; công bằng, hướng tới sự bình đẳng về cơ hội và nhiều kiểu thành công đa dạng.

Ủy ban THELOT đã đề xuất 8 chương trình hành động, thực chất là chương trình thay đổi cải cách toàn diện giáo dục, với rất nhiều đề xuất cụ thể, trong số đó:

- Đề xuất xác định một nền tảng năng lực và học vấn cốt lõi, cá nhân hoá, phân hoá vi mô trong dạy học ở giáo dục cơ sở;
- Thay đổi cấu trúc trường cao trung với việc xác định rõ hơn các luồng, các ban theo mục đích hướng nghiệp (bỏ giai đoạn không phân ban ở lớp 10...);
- Tăng cường việc giúp học sinh định hướng từ sơ trung và tôn trọng định hướng;
- Thúc đẩy sự hoà trộn các tầng lớp xã hội khác nhau trong nhà trường;
- Tăng khả năng hành động và trách nhiệm của các trường;
- Xác định lại các yếu tố gắn với giáo viên, nghề giáo;
- Tăng cường liên hệ với phụ huynh học sinh để giúp học sinh học thành công;
- Tăng cường hợp tác với các đối tác khác: Các hội, doanh nghiệp...

Nhiều ý tưởng của báo cáo định hướng này đã được thể hiện trong Luật sửa đổi Luật Giáo dục 2005 (loi de Fillon), sự ra đời của "SOCCOM" 2006, tiếp sau đó là các cải cách trung học, cải cách bậc cao trung.

2.3. Tái lập nhà trường của nền cộng hoà - Định hướng cải cách theo Luật Giáo dục 2013

Một cuộc tham vấn xã hội rất lớn khác tiếp tục được Chính phủ tổ chức vào năm 2012, do một uỷ ban độc lập với 4 tiểu ban, dẫn tới sự ra đời của Luật Định hướng và tái lập nhà trường của nền cộng hoà (sửa đổi Luật Giáo dục) năm 2013. Báo cáo phụ lục của Luật xác định các mục tiêu và định hướng cải cách giáo dục, "tái lập lại nhà trường" cho giai đoạn tới.

- Mục tiêu:
 - Cải thiện kết quả của hệ thống giáo dục.

- Xây dựng một nhà trường công bằng với tất cả và đòi hỏi cao với mỗi người:

+ Đảm bảo mọi học sinh hết lớp 2 có đủ năng lực tối thiểu trong tiếng Pháp và toán;

+ Giảm khoảng cách kết quả cuối tiểu học giữa học sinh vùng đặc biệt khó khăn và học sinh khác xuống dưới 10%;

+ Giảm một nửa tỉ lệ học sinh rời khỏi hệ thống giáo dục mà không có bằng cấp.

+ Tái khẳng định: 80% học sinh có bằng tú tài, 50% có bằng đại học.

• Định hướng:

Về phương diện sự phạm:

- Tái cấu trúc lại việc đào tạo ban đầu và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và các nhân lực giáo dục (thành lập các Đại học Giáo dục và Đào tạo giáo viên...).

- Tập trung thay đổi nội dung và chương trình giảng dạy: lập Hội đồng cấp cao về chương trình; soạn lại SOCCOM và đảm bảo tính liên kết với các chương trình môn học, thay đổi cách thức kiểm tra đánh giá và cho điểm học sinh; đưa vào một số nội dung giáo dục mới đối với giáo dục bắt buộc (Giáo dục đạo đức tư tưởng và công dân, làm rõ lộ trình giáo dục nghệ thuật và văn hoá, bắt buộc 1 ngoại ngữ từ lớp 1, đảm bảo tính phát triển, kết nối của quá trình học từ mầm non đến hết sơ trung;

- Ưu tiên cấp Tiểu học: Xác định lại nhiệm vụ của trường mầm non, tăng việc tiếp nhận trẻ dưới 3 tuổi đến trường, thúc đẩy sự tiến bộ của hoạt động sự phạm với chính sách "số GV nhiều hơn số lớp".

- Thay đổi cấu trúc thời gian học ở trường học trong năm, trong tuần;

- Xem xét lại trường sơ trung: Tái khẳng định không phân luồng ở sơ trung, nhưng sẽ tổ chức một chương trình cốt lõi chung, các môđun bổ sung, tăng phần tự chủ của các trường, tăng tính kết nối với các cấp học khác, tăng cường thông tin và định hướng, đưa khám phá nghề nghiệp vào chương trình bắt buộc...

- Thành công hơn ở cao trung: Nâng cao giá trị giáo dục nghề, tăng cường tính liên thông với sơ trung và đại học, tăng các hình thức sự phạm đổi mới (dự án liên môn, trợ giúp cá nhân...), cân bằng hơn các ban, tăng tính đa dạng các lộ trình học.

- Phát triển mạnh việc đưa kĩ thuật số vào nhà trường: Chủ yếu trong ứng dụng, tạo phương tiện sư phạm, lập dịch vụ công về giáo dục kĩ thuật số, phát triển ứng dụng, đào tạo giáo viên, nhân lực, dạy học sinh thích ứng với thời đại số hoá...

- Điều khiển hệ thống giáo dục với việc tăng cường trao trách nhiệm, trợ giúp các hoạt động sư phạm; đổi mới sư phạm, nhân rộng các sáng kiến; lập Viện nghiên cứu cao cấp về giáo dục; đánh giá.

Ngoài ra còn định hướng khác như mở cửa hơn ra châu Âu và thế giới, cấu trúc lại giáo dục vùng ưu tiên (vùng khó), phát triển thể thao trong nhà trường...

Thực hiện Luật Giáo dục 2013, một Hội đồng cao cấp về chương trình mới được thành lập. Thư giao nhiệm vụ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục nêu rõ: Nhiệm vụ của hội đồng là “đưa ra các ý kiến và đề xuất về thiết kế và nội dung các giảng dạy”, về việc đưa kĩ thuật số vào các phương pháp giảng dạy... Trong giai đoạn cuối 2013 đến 2015, một lịch trình cụ thể các công việc phải hoàn thành được đưa ra, cùng với các yêu cầu, đặt hàng của Bộ Giáo dục quốc gia.

Công thư ngày 4/10/2013 của Bộ trưởng Giáo dục nêu rõ các việc cần làm ngay: đề xuất khung nền tảng năng lực, kiến thức và văn hoá cho giáo dục bắt buộc, soạn Chương trình giáo dục mầm non, đề xuất Chương trình giáo dục tư tưởng và công dân cho toàn bộ giáo dục phổ thông, khung tham chiếu lộ trình giáo dục nghệ thuật và văn hoá, khung tham chiếu lộ trình cá nhân thu thập thông tin, định hướng và khám phá thế giới kinh tế và nghề nghiệp. Yêu cầu phải quán triệt các ưu tiên: đào tạo việc sử dụng công cụ và tài nguyên số, giáo dục môi trường và phát triển bền vững...

Công thư 4/12/2013 nêu ra nhiều yêu cầu về các Chương trình giáo dục mới, trong đó có:

- Chương trình mới tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thành công của mọi học sinh và tăng chất lượng giáo dục (cân bằng hơn về tải/thời lượng).

- Chương trình mới đơn giản hơn và dễ hiểu hơn (với mọi đối tượng – học sinh, cha mẹ...), mục đích rõ ràng hơn với tiến trình phù hợp hơn với việc học học sinh.

- Khớp nối tốt hơn với SOCCOM;

- Chương trình nhất quán hơn, theo khuynh hướng phát triển dần; làm theo giai đoạn nhỏ (cycle), đảm bảo tính thống nhất, kế thừa từ lớp 1 đến hết trung học cơ sở;

- Chương trình phù hợp hơn với yêu cầu mới của thời đại: Công nghệ mới, ITC; các giá trị mới để chung sống (phát triển bền vững, bình đẳng...); đóng góp vào lộ trình giáo dục văn hóa và nghệ thuật, lộ trình cá nhân về thông tin định hướng và khám phá nghề;

- Chương trình cho phép đánh giá sự tiến bộ học;

- Chương trình tạo điều kiện cho sự ham thích học, tương tác thầy, trò, liên hệ giáo dục.

Sau khi được thành lập, đầu 2014, Hội đồng cao cấp chương trình đã biên soạn Bản Hiến chương về Chương trình giáo dục xác định nội hàm khái niệm chương trình, các nguyên tắc biên soạn chương trình, cấu trúc Chương trình giáo dục, quan hệ giữa chương trình và đánh giá, giữa chương trình và đào tạo giáo viên, các nguyên tắc triển khai, đánh giá chương trình, việc thay đổi chương trình. Lời nói đầu của bản Hiến chương nêu một vài luận điểm về nội dung dạy học có thể coi là phản ánh triết lý giáo dục theo đó nội dung dạy học cần phải:

- Giúp học sinh "định vị" được trong sự phức hợp của thế giới;

- Góp phần vào quá trình tìm kiếm chân lí, quá trình đa dạng tùy thuộc vào lĩnh vực nhưng đều dựa trên tiến trình lí tính, liên tục cập nhật và phân biệt với ý kiến, với định kiến;

- Gắn với tính chất "không bỏ rơi" của nhà trường và phục vụ cho tất cả học sinh;

- Đáp ứng đồng thời cả 2 nhiệm vụ: Truyền thụ tri thức - giáo dỡng (instruction) và Giáo dục (éducation). Mục tiêu chung của cả 2 nhiệm vụ này là học tự do tư tưởng, tư duy phê phán và các điều kiện dân chủ của việc thực hiện chúng: nhà trường phải tác động đến cả kiến thức và đạo đức, tinh thần.

3. Tiếp cận phát triển Chương trình giáo dục phổ thông

Từ những năm đầu thế kỉ XXI, đi cùng trào lưu chung của thế giới và châu Âu, việc phát triển Chương trình giáo dục phổ thông của Pháp đi theo quan điểm học tập suốt đời và tiếp cận phát triển năng lực người học. Những cách tiếp cận mới đó được kết hợp với sự thắng thế của quan điểm học vấn cốt lõi: việc xác định nền tảng văn hoá chung cốt lõi phối hợp với tiếp cận phát triển năng lực cốt lõi.

Gắn liền với những tranh luận về trường sơ trung, vấn đề nội dung dạy học ở giáo dục bắt buộc và cả vấn đề xác định học vấn tối thiểu hay văn hoá chung cốt lõi trở đi trở lại trong các cuộc tranh luận về nội dung giáo dục. Và chính những cuộc tranh luận về văn hoá chung cho học sinh này đã nuôi dưỡng các tranh luận

xã hội và chính trị, chuẩn bị cho những thay đổi đáng kể (O. Rey 2010). Đến 2005, yêu cầu về vốn văn hoá chung nhất thiết phải đạt được tức là tất cả những gì học sinh phải biết ở cuối giáo dục bắt buộc được khẳng định với Luật Định hướng 2005 (hay còn gọi là Luật Fillon, sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục). Theo luật này, Thủ tướng năm 2006 công bố sắc lệnh ban hành Nền tảng chung kiến thức và năng lực nhất thiết phải có ở cuối giáo dục bắt buộc (dưới đây chúng tôi gọi tắt là SOCCOM 2006). Với việc xác lập SOCCOM, "ý tưởng xuất phát là tư tưởng coi rằng trường tiểu học và trường sơ trung thuộc về cùng một tổng thể quá trình học tập" (O. Rey 2010).

Đây cũng là lần đầu tiên, kể từ Luật Ferry cuối thế kỉ XIX quyết định nền giáo dục bắt buộc, miễn phí, tách rời tôn giáo và xác định nội dung dạy học, giới chính trị can thiệp trực tiếp việc ấn định nội dung dạy học. Việc xác định nội dung dạy học không còn chỉ nằm trong tay các nhà khoa học chuyên ngành hay giới lobby môn học (Gauthier và Le Gouvello, 2009). Việc mở rộng tranh luận sang giới chính trị và các giới khác sẽ giúp tránh sự bó hẹp trong nội dung truyền thống, quen thuộc (O.Rey 2010).

SOCCOM 2006 kết hợp tư tưởng "vốn văn hoá chung" cốt lõi với cách tiếp cận bằng các năng lực "chìa khoá" của châu Âu. Điều 9 của Luật Fillon chỉ rõ: "Giáo dục bắt buộc tối thiểu phải đảm bảo cho từng học sinh các công cụ cần thiết để làm chủ một nền tảng chung được cấu thành bởi một tổng thể kiến thức và năng lực nhất thiết phải làm chủ để có thể thành công trong học hành, tiếp tục quá trình đào tạo, xây dựng tương lai cá nhân và tương lai nghề nghiệp, thành công trong cuộc sống trong xã hội". Pháp lệnh khẳng định SOCCOM là "tổng thể các giá trị, hiểu biết, ngôn ngữ và hoạt động..." đồng thời nêu rõ việc xác định SOCCOM cũng dựa vào khuyến cáo của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về các năng lực cốt lõi để giáo dục và học tập suốt đời.

Bảng 1. SOCCOM 2006

Pháp	Châu Âu
1. Làm chủ tiếng Pháp	1. Giao tiếp trong tiếng mẹ đẻ
2. Thực hành một ngoại ngữ	2. Giao tiếp bằng ngoại ngữ
3. Các yếu tố chính của toán học và văn hoá khoa học - công nghệ	3. Năng lực toán học và các năng lực cơ bản trong KH - CN
4. Làm chủ các kĩ thuật thông dụng của ICT	4. Năng lực số (numerique)

5. Văn hoá nhân văn	5. Học cách học
6. Các năng lực xã hội và công dân	6. Năng lực xã hội và công dân
7. Tự chủ và năng lực hành động (sáng kiến)	7. Tinh thần sáng kiến và hành động
	8. Nhạy bén văn hoá

"Mỗi năng lực lớn của SOCCOM được thiết kế như sự tổ hợp của các kiến thức cơ bản của thời đại, của các khả năng sử dụng chúng trong các tình huống đa dạng và cả các thái độ thiết yếu suốt đời". "Làm chủ được SOCCOM nghĩa là có khả năng huy động vốn hiểu biết của mình trong các nhiệm vụ và các tình huống phức hợp, trong nhà trường rồi đến trong cuộc sống; là sở hữu một công cụ thiết yếu để tiếp tục tự đào tạo suốt cuộc đời nhằm tham gia vào các tiến triển của xã hội" (SOCCOM 2006).

SOCCOM đồng thời cũng là một dạng chuẩn đầu ra chung cho giáo dục bắt buộc (O. Rey 2010) với yêu cầu chi tiết cho từng thành tố: Kiến thức (connaissance) - Khả năng/kĩ năng (capacité) và Thái độ (attitude).

SOCCOM đóng vai trò gì trong quan hệ với các Chương trình giáo dục các môn học? Theo văn bản SOCCOM, nó tạo nên nền tảng của các chương trình môn. Bộ trưởng Gille de Robien viết: Mục đích của SOCCOM không phải là tóm tắt của các chương trình theo từng môn riêng biệt mà là chỉ ra ý nghĩa tổng thể cho giáo dục bắt buộc, chỉ rõ những định hướng lớn, những mục đích, mục tiêu, những nội dung thiết yếu". Các Chương trình giáo dục các môn học cấp Tiểu học và sơ trung như thế phải dựa trên SOCCOM. Tuy nhiên, văn bản SOCCOM chỉ rõ "Giáo dục bắt buộc không chỉ giới hạn ở SOCCOM", bộ trưởng Gilles de Robien: "nó để mở những khả năng phát triển". Các chương trình môn học phát triển rộng hơn, nhưng mục tiêu số một là đóng góp vào sự hình thành SOCCOM.

SOCCOM 2015: Được soạn thảo theo Luật sửa đổi Luật Giáo dục 2013 và ban hành bằng sắc lệnh của Thủ tướng năm 2015, "Nền tảng chung hiểu biết, năng lực và văn hoá" (dưới đây gọi tắt là SOCCOM 2015) tiếp tục cách tiếp cận của SOCCOM 2006 và được coi như "chương trình chung khái quát của giáo dục Tiểu học và trung học cơ sở". SOCCOM 2015 xác định các yếu tố của một văn hoá chung nhất thiết phải có của mọi công dân, dựa trên các hiểu biết và năng lực, đạt được nhờ 5 lĩnh vực đào tạo:

- Các ngôn ngữ để tư duy và giao tiếp (tiếng mẹ đẻ; ngoại ngữ hay tiếng địa phương; các ngôn ngữ toán học, khoa học và tin học; các ngôn ngữ nghệ thuật và cơ thể).

- Các phương pháp và công cụ để học tập.
- Đào tạo cá nhân và công dân.
- Các hệ thống tự nhiên và kỹ thuật.
- Các biểu tượng về thế giới và hoạt động của nhân loại.

Mục tiêu đào tạo về kiến thức và năng lực chủ yếu được mô tả dưới dạng: học sinh biết làm gì. Năng lực vẫn được hiểu là khả năng huy động các nguồn lực (kiến thức, khả năng, thái độ) để thực hiện một nhiệm vụ hoặc đối mặt với một tình huống phức hợp hay chưa từng gặp. Tuy nhiên, năng lực không còn được mô tả giống như SOCCOM 2005: không còn đề cập tới 7 năng lực lớn, năng lực không được mô tả dưới dạng tổ hợp của 3 thành tố kiến thức, khả năng và thái độ mà chủ yếu dưới dạng mô tả hoạt động học sinh có thể tiến hành (kiểu thành tố và biểu hiện hành vi). Tuy nhiên, khi đi vào chi tiết các thành tố năng lực được mô tả, có lẽ gần như tương đương với cách nhìn nhận hệ 7 năng lực chính trong SOCCOM 2015.

Một điểm khác đáng lưu ý về cách tiếp cận là xu hướng chuyển dần từ “programme” sang “curriculum” được nhiều người ủng hộ, Hội đồng chương trình cũng đề cập tới xu hướng này trong Hiến chương về chương trình. Bản hiến chương đưa ra 2 cấp độ chương trình, trước hết là cấp độ chương trình tổng thể cho từng cấp học, xác lập dự kiến giáo dục và các mục đích dạy học dưới dạng kết quả của học sinh thu nhận được, đảm bảo sự nhất quán tổng thể giữa những mong muốn về kết quả của học sinh và các quá trình giảng dạy, giữa các lĩnh vực, các môn học và các hoạt động giáo dục, các phương thức đánh giá với các điều kiện triển khai... SOCCOM được viết lại để trở thành một kiểu chương trình tổng thể như vậy cho giáo dục cơ sở. Từ chương trình tổng thể này xác định một cách nhất quán nội dung dạy học ở từng trình độ, theo giai đoạn (cycle), có tham chiếu đến các lĩnh vực đào tạo cho phép phối hợp có hiệu quả nhiều môn học và các phương pháp giáo dục và giáo dục; tham chiếu đến các môn học cụ thể.

4. Quy trình phát triển chương trình

Trong giai đoạn những năm 1992 -2005, chịu trách nhiệm về tổ chức biên soạn chương trình là Hội đồng Chương trình quốc gia. Giai đoạn sau đó, Bộ Giáo dục đảm nhận trực tiếp, việc biên soạn chương trình được giao cho các nhóm chuyên gia gồm bao gồm một số thanh tra giáo dục quốc gia, thanh tra giáo dục địa phương, giảng viên đại học, nhà nghiên cứu sư phạm, giảng viên các viện sư phạm, giáo viên trực tiếp đứng lớp... do lãnh đạo nhóm lựa chọn và đề xuất, sao

cho đảm bảo sự cân đối, bổ sung lẫn nhau giữa các thành phần, các địa phương. Đầu mối tổ chức biên soạn chương trình là Tổng vụ giáo dục phổ thông.

Việc đánh giá chương trình trong quá trình xây dựng được thực hiện chủ yếu thông qua hình thức tham vấn, trao đổi, lấy ý kiến ở nhiều thời điểm khác nhau với mục đích, phương thức, đối tượng khác nhau. Có 3 giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: Tham vấn trong quá trình biên soạn chương trình, trao đổi giữa nhóm biên soạn với các công đoàn giáo viên, hội nghề nghiệp, đại diện phụ huynh học sinh... nhằm tìm hiểu phản ứng, lấy ý kiến của các nghiệp đoàn, hiệp hội nghề nghiệp.

- Giai đoạn 2: Đăng tải dự thảo chương trình trên trang web của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi của tất cả các giáo viên, cũng như các thanh tra giáo dục, các nghiệp đoàn giáo viên, hội chuyên môn, hội phụ huynh học sinh... Mục tiêu của giai đoạn này là lấy ý kiến giáo viên đánh giá về chương trình dự thảo, tính khả thi, đánh giá nhu cầu tài liệu hay trợ giúp của giáo viên, thảo luận về những ảnh hưởng có thể đối với cách thức đánh giá học sinh, nhất là các kì thi.

- Giai đoạn 3: Đánh giá thẩm định tại Hội đồng cao cấp về giáo dục: Hội đồng sẽ đưa ra quyết định ủng hộ hay bác bỏ, với những yêu cầu sửa đổi. Tuy nhiên quyết định của Hội đồng về mặt pháp lí chỉ có giá trị tham khảo.

Theo các văn bản về quy trình biên soạn chương trình, không có bước thí điểm - thử nghiệm các chương trình mới như cách hiểu, cách làm của Việt nam những năm qua. Thay vào đó là tham vấn, lấy ý kiến, điều tra giáo viên và các đối tác (các công đoàn giáo viên, phụ huynh học sinh...) trong quá trình biên soạn, với một trong các tiêu chí chính là: tính khả thi, sự thích hợp với điều kiện triển khai thực tế, với trình độ giáo viên và học sinh. Nhiều ý tưởng của chương trình đã được thí điểm - thực nghiệm trước khi xây dựng chương trình (thực nghiệm nghiên cứu), ở địa phương, các trường, các nhóm giáo viên...

Theo dõi các thực nghiệm sư phạm của họ trong những năm qua, nếu không tính đến các thực nghiệm do các nhóm nghiên cứu sư phạm tiến hành, có thể thấy có 3 loại: tầm mức quốc gia, tầm mức địa phương, ở cấp trường. Những thực nghiệm đó thường đa dạng, có thể chỉ là việc thử đưa một nội dung vào giảng dạy, có thể là thực nghiệm một phương pháp mới, cũng có thể ở tầm mức rộng hơn, trên nhiều phương diện: cách thức tổ chức quản lí các mặt hoạt động trong trường, quản lí nhân sự, đổi mới về sư phạm, tổ chức dạy và học... (ví dụ chương trình ECLAIR) hay thậm chí cả một chương trình liên quan đến nhóm môn (ví dụ thực

nghiệm EIST: tổ chức dạy học tích hợp hoàn toàn các môn Khoa học và Công nghệ ở lớp 6 và lớp 7). Các thực nghiệm này hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện tham gia của cơ sở.

Từ 2005, việc tiến hành các thực nghiệm ở các trường đã được luật hoá. Điều 34 của Luật Định hướng và chương trình cho tương lai nhà trường quy định: được sự đồng ý của sở giáo dục, các cơ sở đào tạo trong khuôn khổ các đề án hoạt động của mình, có thể tổ chức các hoạt động thực nghiệm về giảng dạy các môn, liên môn, tổ chức sự phạm của lớp học, trường học, các quan hệ với các đối tác khác nhau... trong thời gian tối đa 5 năm.

Có thể thấy các thực nghiệm, thí điểm chỉ mang tính chất thử nghiệm tính khả thi của một ý tưởng, nội dung... nhằm cung cấp thông tin, tạo đà cho các cải cách sau này.

Cũng có thể có các thử nghiệm chương trình mới (sau khi đã công bố) ở một số trường nhằm xác định các vấn đề, thử nghiệm các giải pháp để xác định các hướng dẫn cần thiết.

Từ sau Luật Giáo dục mới 2013, hoạt động cao cấp về chương trình được thành lập (tái lập), độc lập với Bộ Giáo dục nhưng làm việc theo yêu cầu của Bộ Giáo dục.



TTBD ĐBDC

